TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 339/2026/HNGĐ-ST Ngày 10-7-2026 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Công Trọn

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 537/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026, về ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị Kim N, sinh năm 2001; căn cước công dân số 083301001962, cấp ngày 05/5/2025; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau; chổ ơ: Số I Đ, phường B, thành phố Cần Thơ; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Săn D, sinh năm 1989; căn cước công dân số 095089011781, cấp ngày 14/8/2021; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D sống chung năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng đã ly thân nhau. Chị cho rằng cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 người con chung là Huỳnh Thiên P, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Huỳnh Thị Thiên A, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2021; cháu P đang sống cùng anh D và cháu A đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng; khi ly hôn, chị

yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, giao cháu P cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị tự thoả thuận với anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng không tham dự phiên toà, chị yêu cầu toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Huỳnh Săn D đúng theo quy định pháp luật nhưng anh không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; căn cứ theo Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị N cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và toà án thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau vào năm 2020 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không tự hoà giải được với nhau. Chị N nộp đơn ly hôn, anh D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy là vợ chồng nhưng anh chị hiện sống ly thân một thời gian dài, điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh D.

[5] Về con chung: Anh chị có hai người con chung Huỳnh Thiên P, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2020 hiện đang do anh D trực tiếp nuôi dưỡng và Huỳnh Thị

Thiên A, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2021 hiện đang ở cùng chị N. Xét thấy trong thời gian anh chị sống ly thân, mỗi cháu đã ở ổn định cùng mỗi bên đương sự và đảm bảo các điều kiện để các cháu được phát triển bình thường, việc tiếp tục giao con chung cho mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng như hiện tại là phù hợp với sự phát triển và môi trường sống ổn định vốn có của các cháu. Áp dụng khoản 02 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu A cho chị N và giao cháu P cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng trong vụ án này.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định chị sẽ tự thoả thuận với anh D, không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh về tài sản chung, nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Kim N ly hôn anh Huỳnh Săn D.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thiên P, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2020 cho anh Huỳnh Săn D và giao cháu Huỳnh Thị Thiên A, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2021 cho chị Đoàn Thị Kim N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0006634 ngày 25 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đá Bạc (ĐKKH số: 83/2020);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp